

Số: 93/2026/QĐST - HNGĐ

Văn Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2026/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn M, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/01/2004

Cháu Nguyễn Trần H1, sinh ngày 08/10/2009

Đều có địa chỉ: Thôn M, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu H1: Chị Đặng Thị D và anh Nguyễn Văn H (là bố, mẹ đẻ của các cháu).

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Thị D và anh Nguyễn Văn H.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm vợ chồng: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị D và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị D, anh H có 02 con chung cháu lớn Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/01/2004 và cháu thứ hai Nguyễn Trần H1, sinh ngày 08/10/2009. Hiện nay cháu T đã đến tuổi trưởng thành anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu H1 đang ở cùng anh H. Hai anh chị thỏa thuận để anh H tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Trần H1 cho đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D, tự nguyện cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp chị D chậm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn chị D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung vợ chồng, về nợ, về ruộng nông nghiệp, về công sức: Chấp nhận sự tự nguyện của chị D, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị D xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Đồi trừ với 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0000386 ngày 17/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị D đã nộp đủ án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Noinhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Đạo;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Vân Anh